

Phó Phòng Phân tích

Nguyễn Thanh Hoa

hoa.nt@shs.com.vn

Khuyến nghị:

NĂM GIỮ

Giá hiện tại (02/02/2026):

26.800 VND

Thông số cơ bản:

Vốn hóa (tỷ VND):	83,388.15
-------------------	-----------

Số lượng CP lưu hành: 3,111,498,211

KLCP đang niêm yết: 3,111,498,211

KLGD trung bình 10 phiên (CP): 1,905,120

Giá thấp 52w: 20.300

Giá cao 52w: 38.300

Sở hữu nhà nước: 86,42%

Sở hữu NĐTkhác: 8,99%

Diễn biến giá cổ phiếu



Nguồn: SHS Research, FiinProX

Các chỉ số tài chính

<i>ĐVT: tr VNĐ</i>	2023	2024	2025
Tổng tài sản	57,716,931	58,186,614	73,490,416
VCSH	(17,025,926)	(9,344,243)	6,817,303
Doanh thu	91,539,865	105,941,972	121,212,932
LNST	(5,631,748)	7,957,563	7,713,997
ROE	40.8%	-54.9%	-365.5%
ROA	-10.0%	13.1%	11.1%
EPS (VNĐ)	(2,678)	3,416	2,989
BVPS (VNĐ)	(7,910)	(4,523)	1,935

KẾT QUẢ KINH DOANH 2025 LẬP ĐỈNH MỚI

- **Mở rộng mạng bay quốc tế quy mô kỷ lục.** Năm 2025, HVN ghi nhận quy mô mở rộng mạng bay quốc tế lớn nhất lịch sử, với 156,3 nghìn chuyến bay (+11,8% YoY), vận chuyển 25,64 triệu hành khách (+12,7% YoY) và 344 nghìn tấn hàng hóa (+10% YoY), củng cố vị thế trên các thị trường quốc tế và khu vực.
- **Nâng tầm dịch vụ, lộ trình hướng tới chuẩn 5 sao trước 2030.** Hãng triển khai Internet trên máy bay, sinh trắc học VNeID, đồng bộ dịch vụ tại T3 Tân Sơn Nhất, ra mắt mùi hương thương hiệu “Nhã” và nâng cấp hệ thống Phòng khách Bông Sen tại Phú Quốc, Nha Trang, Đà Nẵng, qua đó cải thiện trải nghiệm khách hàng và khả năng gia tăng yield trong trung dài hạn.
- **Hoàn tất tăng vốn, chính thức xóa âm vốn chủ sở hữu.** HVN phát hành thành công 897,1 triệu cổ phiếu, nâng vốn điều lệ lên 8.971 tỷ đồng; đến 31/12/2025, vốn chủ sở hữu công ty mẹ và hợp nhất đều dương, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho mở rộng đội bay và đầu tư dài hạn.
- **Kết quả kinh doanh 2025 lập đỉnh lịch sử.** Nhờ tối ưu khai thác và cơ cấu mạng bay hợp lý, doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 121.429 tỷ đồng (+10% YoY), là mức cao nhất lịch sử, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 5.509 tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ, phản ánh hiệu quả phục hồi và biên lợi nhuận cải thiện rõ rệt.
- **Đa dạng hóa động lực tăng trưởng từ hệ sinh thái Long Thành.** HVN từng bước tham gia sâu hơn vào hệ sinh thái sân bay Long Thành, mở rộng sang vận tải hàng hóa và dịch vụ kỹ thuật – MRO, tạo thêm nguồn thu ổn định, giảm tính chu kỳ của mảng vận chuyển hành khách.
- **Triển vọng tăng trưởng tích cực từ năm 2026.** Trong bối cảnh thị trường hàng không tiếp tục phục hồi, HVN đặt mục tiêu năm 2026 vận chuyển 29,07 triệu hành khách (+13,2% YoY) và tăng 13% số ghế luân chuyển, cho thấy doanh nghiệp đang bước vào chu kỳ tăng trưởng mới trong trung dài hạn.



I. 2025 LÀ NĂM BẢN LỀ CỦA HVN - HOÀN TẤT TÁI CƠ CẤU, TẠO NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN

- Năm 2025 được xem là năm thành công mang tính bước ngoặt của Vietnam Airlines khi doanh nghiệp hoàn toàn bước ra khỏi ảnh hưởng nặng nề của đại dịch, chấm dứt tình trạng âm VCSH, đồng thời lột xác về năng lực tài chính, vận hành và chất lượng dịch vụ.
- Kết quả kinh doanh năm 2025 không chỉ xác lập kỷ lục **Doanh thu - Lợi nhuận cao nhất lịch sử**, mà còn đặt nền móng quan trọng cho chu kỳ tăng trưởng mới từ năm 2026 trở đi, trong bối cảnh thị trường hàng không khu vực và quốc tế tiếp tục phục hồi mạnh mẽ.

II. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

1. Kết quả kinh doanh Quý IV/2025 tích cực

- Doanh thu hợp nhất đạt **32.342 tỷ đồng**, tăng **12% YoY**.
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt gần 540 tỷ đồng, phản ánh đà phục hồi bền vững của hoạt động kinh doanh.
- Động lực tăng trưởng từ khai thác hiệu quả giai đoạn cao điểm:
 - ☑ Hệ số sử dụng ghế duy trì ở mức cao; sản lượng vận chuyển hành khách và hàng hóa tăng mạnh, đặc biệt trên các đường bay quốc tế và khu vực, nhóm thị trường đóng góp lớn vào doanh thu và biên lợi nhuận.
 - ☑ Tận dụng hiệu quả giai đoạn cao điểm cuối năm của ngành hàng không, Vietnam Airlines tối ưu khai thác đội tàu bay, kiểm soát chi phí và gia tăng lợi nhuận.

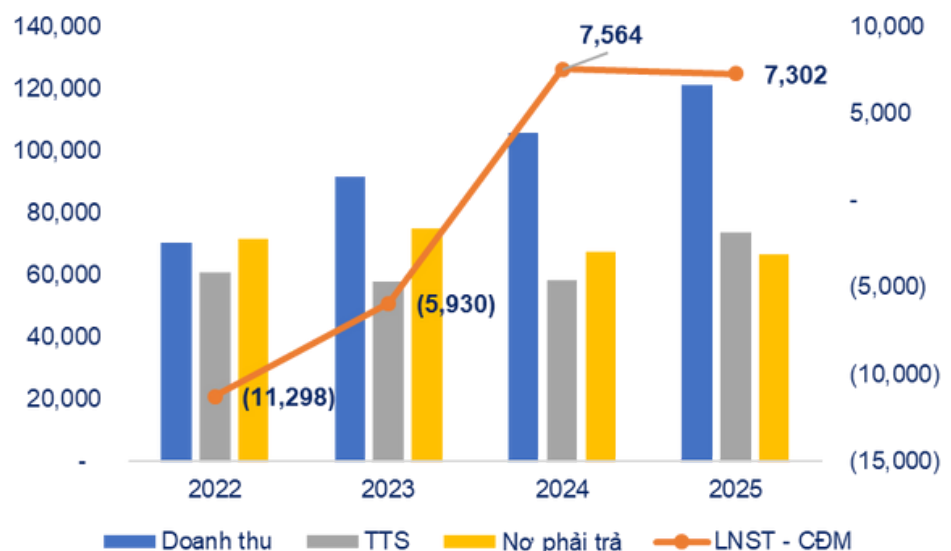
2. Kết quả kinh doanh lũy kế năm 2025

- Doanh thu hợp nhất:** 121.429 tỷ đồng, tăng khoảng 10% YoY. Đây là mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của HVN.
- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế:** 7.713 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ:** 5.509 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ
- Nộp ngân sách Nhà nước:** 3.286 tỷ đồng, tăng 5% YoY

Kết quả này phản ánh rõ nét hiệu quả phục hồi, tối ưu vận hành và chiến lược khai thác thị trường quốc tế của Vietnam Airlines trong bối cảnh ngành vẫn còn nhiều thách thức.

Kết quả kinh doanh của HVN giai đoạn 2022 - 2025

DVT: Tỷ VNĐ



III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Thanh khoản và dòng tiền tăng trưởng mạnh

- Tính đến 31/12/2025, tổng tài sản của HVN đạt **73.490 tỷ đồng**, tăng hơn **26% YoY**.
- Tiền và tương đương tiền đạt **9.885 tỷ đồng**, tăng **2,1 lần**.
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn đạt **8.065 tỷ đồng**, tăng mạnh so với mức **1.015 tỷ đồng** đầu năm.
- Tổng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn xấp xỉ **18.000 tỷ đồng**, là đệm thanh khoản, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động vận hành và đầu tư.

2. Giảm đòn bẩy tài chính, củng cố khả năng tự tài trợ

- Tổng nợ cuối năm 2025 ở mức **66.673 tỷ đồng**, giảm nhẹ so với cùng kỳ.
- Trong năm, HVN đã trả **29.214 tỷ đồng nợ gốc vay** và **2.918 tỷ đồng nợ thuê tài chính**.
- Dư nợ vay và thuê tài chính ngắn hạn **giảm mạnh 58% YoY**, còn **9.037 tỷ đồng**.
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2025 đạt 12.272 tỷ đồng, tăng 30% YoY, cho thấy HVN đã tự chủ tài chính, không còn phụ thuộc vào vay ngắn hạn để duy trì hoạt động.

3. Cấu trúc tài chính cải thiện mạnh – thoát âm vốn chủ sở hữu

- Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình tái cấu trúc tài chính của Vietnam Airlines khi hoàn tất tăng vốn, **phát hành thành công 897.104.037 cổ phiếu**, qua đó nâng vốn điều lệ lên **8.971 tỷ đồng**. Tại thời điểm 31/12/2025, vốn chủ sở hữu của công ty mẹ và hợp nhất đều chuyển sang trạng thái dương, chính thức chấm dứt tình trạng âm vốn chủ sở hữu kéo dài nhiều năm trước đó. Đây là nền tảng then chốt giúp doanh nghiệp mở rộng đội bay, gia tăng đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh trong trung dài hạn.

IV. HIỆU QUẢ VẬN HÀNH VÀ MẠNG LƯỚI BAY

Hiệu quả vận hành

- Năm 2025, HVN ghi nhận quy mô khai thác đạt mức cao nhất từ trước đến nay, với **156.300 chuyến bay**, tăng **11,8%** so với cùng kỳ. Số hành khách vận chuyển đạt **25,64 triệu lượt**, tăng **12,7%**, phản ánh sự phục hồi và mở rộng ổn định của mạng lưới bay. Song song đó, sản lượng hàng hóa vận chuyển đạt **344.000 tấn**, tăng **10%**, cho thấy hiệu quả khai thác không chỉ đến từ mảng hành khách mà còn được hỗ trợ tốt bởi hoạt động vận tải hàng hóa.

Mở rộng mạng bay quốc tế với quy mô chưa từng có

- Năm 2025 đánh dấu bước mở rộng mạng bay quốc tế lớn nhất trong lịch sử HVN. Trong năm, Hãng đã mở mới và khôi phục khai thác **14 đường bay quốc tế**, kết nối **Việt Nam** với các thị trường trọng điểm tại **châu Âu, Đông Bắc Á, Trung Đông và Đông Nam Á**.
- Việc mở rộng mạnh mẽ mạng bay không chỉ củng cố năng lực cạnh tranh của HVN trên thị trường quốc tế, mà còn góp phần thúc đẩy giao thương, du lịch và vai trò kết nối của Việt Nam trong chuỗi vận tải hàng không khu vực và toàn cầu. Chiến lược này phù hợp với định hướng hội nhập quốc tế sâu rộng theo tinh thần **Nghị quyết 59**, đồng thời khẳng định vị thế của Hãng hàng không Quốc gia trong tiến trình phục hồi và phát triển bền vững.
- Song song với mở rộng mạng bay, hoạt động khai thác năm 2025 ghi nhận tăng trưởng rõ nét. Tổng số chuyến bay đạt **156,3 nghìn chuyến**, tăng **11,8% YoY**; sản lượng vận chuyển hành khách đạt **25,64 triệu lượt**, tăng **12,7% YoY**; và sản lượng hàng hóa đạt **344 nghìn tấn**, tăng **10% YoY**.



Năm 2025 đánh dấu quy mô mở rộng mạng bay quốc tế lớn nhất trong lịch sử của Vietnam Airlines

Định nghĩa lại dịch vụ, hướng tới chuẩn 5 sao trước 2030

- Trong năm 2025, Vietnam Airlines từng bước nâng tầm trải nghiệm khách hàng và tái định hình chuẩn dịch vụ theo định hướng 5 sao. Hãng triển khai **Internet trên máy bay**, đồng bộ hóa chất lượng dịch vụ tại **Nhà ga T3 – Tân Sơn Nhất**, áp dụng làm **thủ tục sinh trắc học qua VNeID**, đồng thời ra mắt mùi hương thương hiệu “Nhã” nhằm gia tăng dấu ấn cảm xúc cho hành khách. Bên cạnh đó, hệ thống **Phòng khách Bông Sen** được khai trương và nâng cấp tại **Phú Quốc, Nha Trang và Đà Nẵng**, góp phần hoàn thiện trải nghiệm cao cấp trên toàn hành trình. Các khoản đầu tư này không chỉ cải thiện chất lượng dịch vụ trong ngắn hạn mà còn củng cố **năng lực cạnh tranh và khả năng sinh lời trung dài hạn** cho hãng.

VI. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026: TỐI ƯU HIỆU QUẢ KHAI THÁC, CHUẨN BỊ DƯ ĐỊA TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN

- Các động lực tăng trưởng trọng yếu trong giai đoạn tới bao gồm việc **hoàn tất tăng vốn, qua đó xóa âm vốn chủ sở hữu và cải thiện nền tảng tài chính**. Song song, HVN đẩy nhanh việc mở rộng đội bay và tối ưu hóa mạng lưới khai thác theo hướng gia tăng tỷ trọng đường bay dài và tập trung vào các phân khúc có biên lợi nhuận cao. Bên cạnh đó, HVN sẽ tham gia sâu hơn vào hệ sinh thái sân bay Long Thành, đặc biệt ở các mảng vận tải hàng hóa và dịch vụ kỹ thuật – MRO, mở ra dư địa tăng trưởng mới. Trong trung và dài hạn, hãng được kỳ vọng bước vào chu kỳ tăng trưởng mới từ năm 2026.

(i) Triển vọng thị trường tích cực

- Năm 2026, thị trường hàng không được dự báo tiếp tục tăng trưởng, đặc biệt tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương và các đường bay đi, đến Việt Nam.

(ii) Kế hoạch sản lượng tăng trưởng chủ động

- Sản lượng vận chuyển hành khách dự kiến đạt **29,07 triệu lượt, tăng 13,2% so với năm 2025**.
- Mục tiêu **tăng 13% số ghế luân chuyển**, đáp ứng nhu cầu thị trường và tối ưu hiệu quả khai thác đội bay.

VI. KẾ HOẠCH KD NĂM 2026 (TIẾP)

(iii) Nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng

- Tiếp tục cải thiện chất lượng dịch vụ trên toàn bộ hành trình bay.
- Chuẩn hóa và nâng tầm trải nghiệm khách hàng theo tiêu chuẩn quốc tế.

(iv) Cải thiện hiệu quả vận hành, hướng tới phát triển bền vững

- Tối ưu chi phí, nâng cao hiệu suất khai thác và đảm bảo an toàn bay.
- Tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng dài hạn.

(v) Định hướng chiến lược dài hạn

- Hướng tới mục tiêu trở thành Hãng hàng không 5 sao quốc tế trước năm 2030, khẳng định vị thế của Vietnam Airlines trên thị trường khu vực và toàn cầu.

• Kế hoạch mua 50 máy bay của HVN

	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032
Đặt cọc 20% giá trị		x	x	x				
Thanh toán 80% giá trị						x	x	x
Nhận máy bay (chiếc)						14	18	18

• Tham gia dự án sân bay Long Thành

Hạng mục	Đơn vị thực hiện	Vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Trạng thái	Thời gian thi công	Khởi công	Dự kiến hoàn thành
Dịch vụ mặt đất số 1	VIAGS	790	Trúng thầu	18 tháng	Q1/2025	2H/2026
Suất ăn hàng không số 1	VACS	655	Trúng thầu	18 tháng	Q1/2025	2H/2026
Hangar bảo dưỡng tàu bay số 1 & 4	VAECO	1.57	Trúng thầu	18 tháng	Q1/2025	2H/2026
Hangar bảo dưỡng tàu bay số 2 & 3	-	1.57	Đang tham gia đấu thầu	18 tháng	-	Dự kiến 2027

• Kế hoạch phát triển đội bay giai đoạn 2021 - 2030 (tàu trung bình năm)

Năm	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Thân rộng	19	29	29	27	31	31	31	37	37	37
Thân hẹp	39	56	62	53	54	59	71	82	88	95
ATR/Phản lực khu vực	6	6	5	5	5	5	5	5	5	5
Tổng tàu	64	91	96	86	90	95	107	124	130	137

Kế hoạch phát triển đội bay giai đoạn 2021 - 2035, tầm nhìn 2040

Nguồn: HVN

- **Định hướng chủng loại tàu bay:** VNA Group định hướng sử dụng đội tàu bay chở khách công nghệ mới, đơn giản về chủng loại. Đội tàu bay sẽ có 03 dòng tàu bay chính theo tiêu chuẩn chung của quốc tế:

ĐỘI TÀU BAY THÂN RỘNG

Các tàu bay thân rộng sẽ tiếp tục khai thác đường bay Mỹ, Châu Âu, Úc, Đông Bắc Á.

ĐỘI TÀU BAY THÂN HẸP

Khai thác thị trường nội địa, các đường bay quốc tế có dung lượng thấp tập trung chủ yếu mạng bay dưới 5 giờ bay. Đội tàu này sẽ được chia theo nhóm tàu bay tương đương A321 và tương đương A320.

ĐỘI TÀU BAY ATR

Khai thác đến các sân bay hạn chế khai thác, các đường bay có dung lượng thị trường nhỏ.

PHỤ LỤC

Bảng cân đối kế toán				
(tr VND)	2022	2023	2024	2025
Tài sản ngắn hạn	12,329,950	14,884,283	17,337,695	32,340,533
Tiền/tương đương tiền	2,490,276	2,551,042	4,626,738	9,885,039
Đầu tư ngắn hạn	896,631	920,439	1,015,204	8,065,508
Các khoản phải thu	4,897,523	6,121,737	7,322,324	9,837,235
Hàng tồn kho	2,875,284	3,430,699	3,369,444	3,679,258
Tài sản khác	1,170,236	1,860,365	1,003,985	873,493
Tài sản dài hạn	48,306,237	42,832,648	40,848,919	41,149,884
Tài sản cố định	40,672,004	34,358,558	29,591,005	25,161,977
Đầu tư dài hạn	1,751,061	1,672,502	1,795,288	2,705,645
Xây dựng cơ bản dở dang	94,019	132,650	109,160	353,278
BDS đầu tư	4,182,433	5,036,707	7,485,589	10,574,344
Tổng tài sản	60,636,188	57,716,931	58,186,614	73,490,416
Nợ ngắn hạn	51,800,109	61,171,298	57,159,225	56,336,475
Phải trả người bán	28,174,813	30,797,349	30,504,307	32,915,463
Người mua trả tiền trước	171,337	211,266	216,644	445,647
Vay nợ ngắn hạn	13,400,053	17,561,781	14,311,200	9,037,340
Nợ khác	7,258,002	9,170,384	7,722,764	8,621,974
Nợ dài hạn	19,891,704	13,571,558	10,371,632	10,336,638
Vay nợ dài hạn	14,868,103	9,806,279	6,171,600	4,066,507
Nợ dài hạn khác	1,278,026	1,315,649	1,377,452	1,137,508
Tổng nợ phải trả	71,691,812	74,742,857	67,530,857	66,673,114
Vốn chủ sở hữu	(11,055,625)	(17,025,926)	(9,344,243)	6,817,303
Vốn góp	22,143,942	22,143,942	22,143,942	31,114,982
Thặng dư vốn cổ phần	1,220,498	1,220,498	1,220,498	1,220,059
Lợi nhuận giữ lại	(35,072,237)	(41,057,410)	(33,614,194)	(26,587,373)
Tổng nợ và vốn CSH	60,636,188	57,716,931	58,186,614	73,490,416

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
(tỷ VND)	2022	2023	2024	2025
LCTT từ HĐ kinh doanh	6,893,819	1,003,690	9,440,571	12,272,040
LCTT từ HĐ đầu tư	1,455,711	667,094	249,954	(8,187,729)
LCTT từ HĐ tài chính	(7,603,962)	(1,613,153)	(7,608,977)	1,170,946
LCTT trong kỳ	745,568	57,631	2,081,548	5,255,256
Tiền/tương đương tiền đầu kỳ	1,713,827	2,490,276	2,551,042	4,626,738
Tiền/tương đương tiền cuối kỳ	2,490,276	2,551,042	4,626,738	9,885,039

Ghi chú: Số liệu năm 2025 từ BCTC 2025 chưa kiểm toán

Báo cáo kết quả kinh doanh				
(tỷ VND)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu	70,792,825	92,231,210	106,911,815	121,429,629
Giá vốn hàng bán	(73,286,232)	(87,654,421)	(92,039,578)	(103,141,422)
Lợi nhuận gộp	(2,876,011)	3,885,444	13,902,394	18,071,509
Chi phí BH & QLDN	(4,964,314)	(6,472,762)	(7,089,069)	(8,864,609)
Lợi nhuận hoạt động	(11,218,261)	(5,977,736)	3,198,514	8,008,391
Doanh thu tài chính	980,368	926,349	1,266,077	1,518,018
Chi phí tài chính	(4,432,415)	(4,404,978)	(4,951,176)	(3,573,747)
Lợi nhuận khác	272,776	615,127	5,217,128	268,527
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	74,112	88,211	70,288	857,220
Lợi nhuận trước thuế	(10,945,484)	(5,362,609)	8,415,642	8,276,918
Thuế TNDN	(277,531)	(269,139)	(458,080)	(562,920)
Lợi nhuận sau thuế	(11,223,015)	(5,631,748)	7,957,563	7,713,997
Lợi ích cổ đông thiểu số	75,140	298,553	393,471	412,026
LNST của cty mẹ	(11,298,155)	(5,930,302)	7,564,092	7,301,971
% Biên LNST	-16.05%	-6.48%	7.14%	6.02%
EPS (VND)	(5,102)	(2,678)	3,416	2,989

Các chỉ số tài chính				
(tỷ VND)	2022	2023	2024	2025
Chỉ số định giá				
SLCP lưu hành (triệu cp)	2,214.39	2,214.39	2,214.39	3,111.50
Chỉ số sinh lời				
Biên LNG	-4%	4%	13%	15%
Biên EBIT	-11%	-3%	6%	8%
Biên LNST	-16%	-6%	8%	6%
Doanh thu/TTS	116%	159%	182%	165%
ROE	225%	41%	-55%	-365%
ROA	-18%	-10%	13%	11%
Chỉ số cơ cấu vốn				
Hệ số nợ /Tổng tài sản	1.18	1.29	1.16	0.91
Hệ số nợ /VCSH	(6.48)	(4.39)	(7.23)	9.78
Vốn vay / VCSH	(2.56)	(1.61)	(2.19)	1.92
Tổng tài sản / VCSH	(5.48)	(3.39)	(6.23)	10.78

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt,
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03 Lê Đình Lý,
phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị
Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

-  Website: shs.com.vn
-  Tel: 1900 63 8588
-  Email: hotrokhachhang@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn